TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST Ngày 20-6-2022 V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đào Khel

Ông Thạch Riêng

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị X, sinh năm: 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Số S đường L, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Thái Văn H, sinh năm: 1983 (có mặt)

Địa chỉ: Số S đường L, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022, quá trình giải quyết vụ*

án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị X trình bày:

Bà Thạch Thị X và ông Thái Văn H tự nguyện kết hôn, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 123/2003 quyển số 01 ngày 25/08/2003. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất vui vẻ và hạnh phúc. Nhưng đến năm 2008 thì vợ chồng xãy ra mâu thuẫn, không thể hòa thuận với nhau và cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm về cách sống, ông H đi nhậu về hay chửi bới và đánh đập vợ con. Sau nhiều lần trao đổi, tạo điều kiện cho nhau để khắc phục nhưng thời gian dài cả hai đều không khắc phục được, cả hai không còn quý trọng và yêu thương nhau. Nay bà X nhận thấy đời sống chung của vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà X có nguyện vọng ly hôn với ông H để mỗi người tìm hạnh phúc mới cho riêng mình.

Quá trình chung sống ông H và bà X có ba người con chung tên Thái Minh T (nam, sinh ngày 01/02/2002); Thái Minh Tâm (nam, sinh ngày 19/6/2003) và Thái Thị Kim N (nữ, sinh ngày 21/10/2008) hiện đang sinh sống tại số S đường L, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng.

Trong thời kỳ hôn nhân ông H và bà X không có tạo lập được tài sản chung và không có nợ chung. Nay bà Thạch Thị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Thái Văn H.

Về con chung: Đối với hai người con chung tên Thái Minh T (nam, sinh ngày 01/02/2002); Thái Minh T (nam, sinh ngày 19/6/2003) đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Bà X yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Thị Kim N (nữ, sinh ngày 21/10/2008) hiện đang sinh sống tại số S đường L, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị X tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

-Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 25 tháng 5 năm 2022 quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn ông Thái Văn H trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Thạch Thị X về quá trình xác lập quan hệ hôn nhân và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn. Ông đã nhận thấy lỗi lầm của mình, xin vợ ông tha thứ bỏ qua cho ông, ông cam đoan từ nay về sau sẽ không đánh đập vợ con nữa, ông rất yêu thương vợ và con nên không đồng ý ly hôn. Ông thống nhất với lời trình bày của vợ ông là bà Thạch Thị X về con chung, tài sản chung và nợ chung. Nay bà Thạch Thị X kiên quyết ly hôn ông không đồng ý vì còn rất thương vợ. Về con chung: Nếu phải ly hôn ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thái Thị Kim N (nữ, sinh ngày 21/10/2008) hiện đang sinh sống tại số S đường L, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng đến khi cháu Ngân đủ 18 tuổi, ông không yêu cầu bà X cấp dưỡng nuôi con, vì cháu Xuân đã lớn, ông muốn cháu Xuân sống cùng với ông để trong coi nhà cửa, nấu cơm nước cho ông và gia đình. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Thái Văn H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tại phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị X, về quan hệ hôn nhân của bà Thạch Thị X và ông Thái Văn H không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu bà X, ông H chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2008 thì vợ chồng xãy ra mâu thuẫn, không thể hòa thuận với nhau và cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng quan điểm về cách sống, ông H đi nhậu về hay chửi bới và đánh đập vợ con. Sau nhiều lần trao đổi, tạo điều kiện cho nhau để khắc phục nhưng thời gian dài cả hai đều không khắc phục được, cả hai không còn quý trọng và yêu thương nhau. Ông H không đồng ý ly hôn với bà X vì còn tình cảm với bà X, tại phiên tòa ông đưa ra được biện pháp nào hàn gắn tình với bà X, nhưng bà X không chấp nhận. Tại tòa bà X xác định không còn tình cảm với ông H, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc và kiên quyết xin ly hôn với ông H. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà X được ly hôn với ông H.

[2] Về con chung: Đối với hai người con chung tên Thái Minh T (nam, sinh ngày 01/02/2002); Thái Minh T (nam, sinh ngày 19/6/2003) đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu xem xét. Bà X và ông H đều có nguyện vọng được được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thái Thị Kim N (nữ, sinh ngày 21/10/2008) hiện đang sinh sống tại số S đường L, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng đến khi cháu N đủ 18 tuổi và không yêu cầu người còn lại thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cháu N từ khi sinh ra đến nay sống cùng với vợ chồng bà X, ông H, về tâm sinh lý phát triển bình thường. Tại văn bản ghi nhận ý kiến cháu N ngày 03/6/2022, cháu N có nguyện vọng được

sống chung với bà X. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 "Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con". Xét thấy, yêu cầu của bà X phù hợp với nguyện vọng của cháu N nên có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu Thái Thị Kim N cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà X không yêu cầu ông H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị X và ông Thái Văn H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bà Thạch Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 5; Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Thạch Thị X và ông Thái Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên cháu Thái Thị Kim N (nữ, sinh ngày 21/10/2008) hiện đang sinh sống tại số S đường L, khóm B, phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cho bà Thạch Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi cháu N đủ 18 tuổi và ông Thái Văn H không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Thái Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thạch Thị X và ông Thái Văn H tự khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Thạch Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000490 ngày 10/5/2022 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; bà Thạch Thị X đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Ông Thái Văn H không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường B, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Huỳnh Thị Bích Tuyền